

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 3 - 7 - 2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường

Ông Trần Ngọc Đăng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/ 2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị V**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước xuất cảnh: **Xóm C, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình.**

Địa chỉ cư trú hiện tại: 1191 **B**, XIX. Kerület, **Dobó K** utca 21. Cộng hòa **H**;
Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Thiều Quang T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước xuất cảnh: **Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.**

Địa chỉ cư trú hiện tại: 1193 **Budapest B**. Cộng hòa **H**; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai nguyên đơn chị **Bùi Thị V** trình bày (Có xác nhận của **Đ** tại **Cộng hòa H**): Chị và anh **T** quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng tại Hungary. Sau đó chị **V** và anh **T** về Việt Nam đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/10/2022, tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Nghệ An**. Sau khi cưới vợ chồng quay lại **H** và sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm

sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, ít quan tâm lẫn nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Thieu Quang T.**

Về con chung: Chị và anh **Thieu Quang T** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Hiện nay, chị **V** đang sinh sống và làm việc tại Hungary không có điều kiện về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với anh **T**. Do đó, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời, anh ủy quyền cho anh **Nguyễn Xuân T1**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An** thay chị giao nhận các hồ sơ, tài liệu tại Tòa án và tham gia giải quyết những vấn đề phát sinh trong vụ án (nếu có).

*Anh **Thieu Quang T** đang sinh sống và làm việc tại **Cộng hòa H** đã gửi bản tự khai - có xác nhận của **D** tại **Cộng hòa H** đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, trình bày:*

Anh **T** thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị **V** trình bày. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2022 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường, do quan điểm sống ngày một khác nhau nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Nay, anh tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **Bùi Thị V** làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị **V** và anh **T** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, anh **T** đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Hungary không có điều kiện về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với chị **V**. Do đó, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời, anh ủy quyền cho ông **Thieu Quang H1**, sinh năm 1962; địa chỉ: **Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An** thay anh giao nhận các hồ sơ, tài liệu tại Tòa án và tham gia giải quyết những vấn đề phát sinh trong vụ án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Bùi Thị V** và anh **Thiều Quang T** đang cư trú tại **Cộng hòa H2**; trước khi trước khi xuất cảnh, chị **Bùi Thị V** có địa chỉ cư trú **huyện T, tỉnh Nghệ An** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.3] Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh **Thiều Quang T** và chị **Bùi Thị V** không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và các đương sự yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị **Bùi Thị V** và anh **Thiều Quang T** đang cư trú tại **Cộng hòa H**, đã viết bản tự khai và cung cấp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu cho Tòa án (Có xác nhận của **Đ** tại **Cộng hòa H**) nhưng không thể tham gia phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị V** và anh **Thiều Quang T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T**, ngày 18/10/2022, hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, hôn nhân giữa chị **Bùi Thị V** và anh **Thiều Quang T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **V** yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị **V** và anh **T** không có con chung nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **V**, anh **T** không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị **Bùi Thị V** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị V**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị V** và anh **Thiều Quang T** được ly hôn.

- Về con chung: Chị **Bùi Thị V** và anh **Thiều Quang T** không có con chung nên Tòa án không giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị **Bùi Thị V** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012921 ngày 12/06/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị **Bùi Thị V**, anh **Thiều Quang T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thanh Mỹ, h. Thanh Chương;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hồng Vân